TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **41**/2019/DS-ST
Ngày: 22-8-2019
v/v: Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Sơn;

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

-Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2019/TLST- DS, ngày 26/4/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2019/QĐXXST-DS ngày 25/6/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐST-DS, 10/7/2019, Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 05/2019/QĐST-DS ngày 23/7/2019; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1960. Có mặt

Trú tại: Số 125 đường ĐH ĐHK, thôn 2, xã SN, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn*: Ông **Phan Văn D**, sinh năm 1960, vắng mặt; bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1961, vắng mặt; ông **Phan Trung H1**, sinh năm 1983, vắng mặt; ông **Phan Tiến H2**, sinh năm 1989, vắng mặt.

Trú tại: Cụm Công nghiệp MP, thôn 6, xã MP, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2019, bản khai, tại phiên hòa hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày: Do quan hệ quen biết, nên từ tháng 8/2015 đến tháng 11/2016, bà M bán lúa cho nhà ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị Kim L là chủ cơ sở xay xát Trung H1, ở thôn 6, xã MP. Việc mua bán lúa, có lúc vợ chồng ông D trả tiền, có lúc nợ lại. Đến ngày 22/2/2019, hai bên thống nhất chốt lại số tiền nhà ông D bà L con nợ bà M là 232.750.000 đồng, việc gút nợ này có viết giấy, vợ chồng ông D cùng 02 người con là Phan Trung H1, Phan Tiến H2 ký vào giấy nợ và hẹn đến ngày 10/2 âm lịch, nhằm ngày 15/3/2019 sẽ trả hết nợ. Tuy nhiên cho đến nay gia đình ông D cứ hẹn mà không chịu trả. Nay bà M yêu cầu vợ chồng ông D cùng 02 con là H1, H2 phải trả nợ mua lúa 232.750.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 15/3/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Vào 21/7/2019, trước khi mở phiên tòa 02 ngày, bà M nghe thông tin ông D, bà L đem toàn bộ tài sản thế chấp cho một chủ nợ tên là Nga ở Đồng Nai. Do đó giữa bà M, các chủ nợ khác và gia đình ông D lập một Hợp đồng chung cổ phần vào nhà máy xay xác Trung H1 giả tạo ghi ngày 30/3/2019, nhằm để cho ông D, bà L lấy lý do từ chối việc thế chấp tài sản cho bà Nga. Sau khi Tòa án ra quyết định tạm ngưng phiên tòa để làm rõ nội dung này, thì giữa bà M, các chủ nợ khác và gia đình ông D đã thống nhất hủy bỏ Giấy hợp đồng chung cổ phần vào nhà máy xay xác Trung H1.

Chứng cứ do nguyên đơn đưa ra là Giấy xác nhận nợ do bà L viết, có chữ ký của ông D, bà L, ông H1, ông H2.

-Bị đơn Nguyễn Thị Kim L trình bày: Nguyên gia đình bà L có làm ăn mua bán lúa với bà Trần Thị M. Do tình hình kinh tế khó khăn, mấy năm liên tiếp làm ăn thua lỗ, nên chưa trả tiền cho bà M, hiện còn thiếu lại bà M số tiền 232.750.000 đồng. Vì cơ sở của gia đình khó khăn, nên còn nợ nhiều người, nay yêu cầu trả dần số nợ trên trên cho bà M.

Do ông Phan Văn D, ông Phan Trung H1, ông Phan Tiến H2 không đến Tòa án tham gia hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của các đương sự này. Sau khi lập biên bản họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa án có thông báo cho ông D, ông H1 và ông H2 biết về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và yêu cầu khởi kiện của bà M, nhưng không ai có ý kiến gì.

Ngày 10/7/2019 ông Phan Trung H1 và ông Phan Tiến H2 có đến Tòa án và trình bày bản khai như sau: Ông H1 và ông H2 là con của ông D, bà L, trong thời gian qua có mua bán lúa với bà Trần Thị M. Do khó khăn nên còn nợ bà M số tiền 232.750.000 đồng và chưa trả được. Mong Tòa án xem xét tạo điều kiện cho gia đình ông D làm ăn để có tiền trả nợ cho bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần thủ tục: Khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Phan Trung H1, ông Phan Tiến H2, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng pháp luật để giải quyết quan hệ tranh chấp: Xác định đây là quan hệ tranh chấp nghĩa vụ trả tiền. Giao dịch dân sự của hai bên xảy ra từ năm 2015 đến tháng 11/2016, nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả số tiền còn thiếu nợ khi mua lúa vào năm 2015 đến tháng 11/2016, với số tiền 232.750.000 đồng là đầy đủ chứng cứ. Vì gia đình bà Nguyễn Thị L, ông Phan Văn D, ông Phan Trung H1, ông Phan Tiến H2 đều ký vào giấy đề ngày 22/2/2019 với nội dung như sau: Gia đình chú D còn nợ chị M số tiền 232.750.000 đồng. Hẹn ngày 10/2 âm lịch trả trả 50.000.000 đồng, còn lại trả góp từng tháng. Ngoài ra khi tham gia tố tụng

bà L cũng thừa nhận nội dung này là đúng; bản tự khai của ông H1 và ông H2 tại Tòa án cũng thừa nhận nợ bà M số tiền nêu trên. Tuy nhiên do gia đình bà L không chịu trả nợ cho bà M theo cam kết, do đó bà M khởi kiện buộc gia đình bà L ông D trả nợ là phù hợp Điều 283, 286, 290 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Về tiền lãi bà M yêu cầu tính từ ngày 15/3/2019 nhằm ngày 10/2/2019 âm lịch, với mức lãi 0,83%/tháng nhưng khi hòa giải và tại phiên tòa bà M yêu cầu lãi suất theo quy định của pháp luật 0,75%/tháng là phù hợp nên chấp nhận. Theo như giấy nợ thì gia đình ông D bà L hẹn ngày 15/3/2019 bắt đầu trả nợ. Do đó ngày chậm trả được xác định là ngày 16/3/2019 trở về sau. Về mức lãi suất chậm trả tiền được quy định tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 là lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước bông bố. Tức là lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng. Vì vậy tính lãi suất mức 0,75%/tháng, kể từ ngày chậm trả 16/3/2019 đến ngày Tòa án giải quyết vụ án là phù hợp. Riêng lãi suất trước đây các bên không thỏa thuận, số tiền lãi đã trả trước đây các bên không yêu cầu, không có cơ sở, nên không xem xét. Cụ thể tiền lãi phải trả, từ ngày 16/3/2019 đến 22/8/2019 là 5 tháng 6 ngày. Số tiền lãi là:

232.750.000 đồng x 0,75% x (5 + $^{6}/_{30}$) = 8.786.000 đồng (làm tròn số). Đồng thời các bị đơn tiếp tục chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật..

[6] Các đương sự và người đại diện có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 283, 286, 290, khoản 2

Điều 305, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Phan Trung H1, ông Phan Tiến H2 cùng liên đới trả cho bà Trần Thị M số tiền 241.536.000 đồng, gồm tiền gốc 232.750.000 đồng và tiền lãi 8.786.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trần Thị M về khoản tiền trên cho đến khi thi hành án xong, ông D, bà L, ông H1, ông H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị Kim L, ông Phan Trung H1, ông Phan Tiến H2 cùng chịu 12.076.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Trần Thị M 5.867.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0025280 ngày 26/4/2019.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án: 22/8/2019. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

***Nơi nhận*:**
VKSND huyện;
-THADS huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

-Các đương sự;
-Lưu.

Nguyễn Văn Thái